

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 205/2025/DS-PT

Ngày: 29/7/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và bà Đào Nữ Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 124/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (Nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị C (Bích C1), sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã L, tỉnh An Giang) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trương Minh H, sinh năm 1978; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã L, tỉnh An Giang) (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã L, tỉnh An Giang) (vắng mặt).

3.2. Ông Tôn Hữu P, sinh năm 1981; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (nay là ấp L, xã L, tỉnh An Giang) (có văn bản xin vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trương Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tự khai của bà Vũ Thị C trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau, ông Trương Minh H và bà Nguyễn Thị Kim L có hỏi vay của bà Vũ Thị C tổng cộng số tiền 610.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 12/12/2023 vay số tiền 240.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5% tháng, mục đích vay để bổ sung vốn mua vật dụng sinh hoạt cho gia đình, việc vay có lập hợp đồng vay đề ngày 12/12/2023 có ký tên xác nhận của ông Trương Minh H, vì lý do vợ chồng nên bà C chỉ yêu cầu ông H ký tên vào biên nhận. Từ ngày vay đến nay, ông H, bà L không trả vốn và lãi cho bà C.

- Lần 2: Vào ngày 11/01/2024 vay số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5% tháng, mục đích vay để bổ sung vốn trồng lúa, thuê đất và cải tạo đất, việc vay có lập hợp đồng vay đề ngày 11/01/2024 có ký tên xác nhận của ông Trương Minh H, vì lý do vợ chồng nên bà C chỉ yêu cầu ông H ký tên vào biên nhận. Từ ngày vay đến nay, ông H, bà L không trả vốn và lãi cho bà C.

- Lần 3: Vào ngày 17/01/2024 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5% tháng, mục đích vay để bổ sung vốn mua vật dụng sinh hoạt cho gia đình, việc vay có lập biên nhận đề ngày 17/01/2024 có ký tên xác nhận của ông Trương Minh H, vì lý do vợ chồng nên bà C chỉ yêu cầu ông H ký tên vào biên nhận. Từ ngày vay đến nay, ông H, bà L không trả vốn và lãi cho bà C.

- Lần 4: Vào ngày 19/01/2024 vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn trả 03 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5% tháng, mục đích vay để bổ sung vốn mua vật dụng sinh hoạt cho gia đình, việc vay bà C có nhờ ông Tôn Hữu P chuyển qua số tài khoản cho ông H. Từ ngày vay đến nay, ông H, bà L không trả vốn và lãi cho bà C.

Khi vay tiền vợ chồng ông H, bà L có thể chấp cho bà C 01 quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH02242 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/9/2014 cho ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị Kim L, đất tọa lạc xã L, huyện C, tỉnh An Giang, diện tích 8238m², thửa đất số 241, tờ bản đồ số 72. Việc vay tiền có ông Tôn Hữu P, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang làm chứng.

Bà Vũ Thị C khởi kiện yêu cầu ông H và bà Nguyễn Thị Kim L trả số tiền 610.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm, cụ thể: số tiền 240.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 12/12/2023; số tiền 350.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 11/01/2024; số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 17/01/2024; số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi từ ngày 19/01/2024 cho đến khi xét xử xong vụ án. Yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Minh H trình bày: Ông H thừa nhận có nợ của bà C số tiền vốn vay là

350.000.000 đồng và số tiền chuyển khoản 10.000.000 đồng từ tài khoản của ông Tôn Hữu P; tiền lãi thì lúc hỏi đã thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng, nhưng chưa có đóng lãi được. Hiện tại, bà C khởi kiện yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm thì đồng ý; Mục đích sử dụng vốn vay là để tiêu xài cho nông nghiệp là làm lúa. Vào thời điểm vay có làm giấy hợp đồng vay ghi ngày 11/01/2024 có ông Tôn Hữu P là người làm chứng. Lúc vay chỉ có đưa bản photo giấy đất, còn bằng khoán gốc đã thế chấp ngân hàng S chi nhánh M1; Đối với số nợ vay 10.000.000 đồng ghi ngày 17/01/2024 và số tiền 240.000.000 đồng ghi ngày 12/12/2024 là ông H không có vay.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H xác định nợ số tiền vay theo hợp đồng là 350.000.000 đồng và số tiền chuyển khoản từ tài khoản của ông Tôn Hữu P là 20.000.000 đồng, không có nợ số tiền 240.000.000 đồng. Các giao dịch được lưu trong điện thoại là giao dịch giữa ông H với ông P, không có giao dịch với bà C; đối với việc vay tiền khi bà C đến nhà thì vợ là Nguyễn Thị Kim L có biết việc vay tiền nhưng không rõ là vay bao nhiêu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tôn Hữu P trình bày: ông P và bà C không có mối quan hệ họ hàng, chỉ uống cà phê, quen biết nhau, có mối quan hệ làm ăn vay mượn để mua bán hàng hóa và có vay vốn của ông P. Đối với việc ký tên là người làm chứng trong các tờ hợp đồng vay tiền, ông H và bà C đều ký tên có sự chứng kiến của ông P, theo đó ngày 12/12/2023, ông H vay của bà C số tiền 240.000.000 đồng, mục đích vay mượn tạm để đáo hạn ngân hàng; việc cho vay ông H có thể chấp quyền sử dụng đất bản photo; ngày 11/01/2024, ông H vay của bà C số tiền 350.000.000 đồng; cả hai lần bà C đưa ông H bằng tiền mặt dưới sự chứng kiến của ông P, hai bên có thỏa thuận lãi vay là 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Đối với tờ biên nhận ghi ngày 17/01/2024, là chữ viết của ông P, tại quán cà phê M, theo đó ông H vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng, lãi vay là 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng, việc cho vay ông H nhận tiền mặt và ký tên, ghi họ tên và biên nhận trước mặt ông P; Ông P xác định số tiền chuyển khoản 10.000.000 đồng từ tài khoản của ông P chuyển đến tài khoản ông H là số tiền bà C nhờ ông P, chuyển để bà C cho ông H vay, mục đích để hỗ trợ cho người thân nhập viện ở thành phố Hồ Chí Minh, ông P có biết được việc vay cũng thỏa thuận là lãi suất 5%/tháng. Ông P xác định số tiền 10.000.000 đồng này là của bà C cho ông H vay, ông P chỉ chuyển dùm bà C. Việc bà C mượn tiền 10.000.000 đồng này ông P không tranh chấp trong vụ án này. Ngoài ra, đối với số tiền ông H vay của bà C 240.000.000 đồng, thì địa điểm vay tại quán cà phê M, mục đích vay của ông H là để đáo hạn ngân hàng; sau khi đáo hạn ngân hàng xong thì ông H có nhu cầu mua đất nên không trả và đề nghị vay thêm 350.000.000 đồng, ông H nói khi mua đất xong sẽ vay lại để trả cả hai khoản nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang):

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C và xử như sau:

1. Buộc ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay là 610.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm mười triệu đồng) và tiền lãi 164.642.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/năm phù hợp theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự là 34.985.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng); Bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.200.000 đồng (Bằng chữ: mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0023439 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2025 ông Trương Minh H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và ông thừa nhận chỉ có vay số tiền 370.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay,

Nguyên đơn bà Vũ Thị C trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn ông Trương Minh H trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho bà C số tiền như án sơ thẩm đã tuyên. Ông H thừa nhận có vay số tiền 370.000.000 đồng nhưng vay tiền của ông Tôn Hữu P; đồng thời ông H cung cấp chứng cứ là tin nhắn giữa ông với ông P trong đó ông P xác định tính đến ngày 11/01/2024 ông còn nợ 370.000.000 đồng. Và số tiền này được cộng dồn từ số tiền vay 350.000.000 đồng cùng với 02 lần vay 10.000.000 đồng, nhưng do ông P là người đang đi làm nên đã để cho bà C ký biên nhận với ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Minh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trương Minh H kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tôn Hữu P có đơn xin vắng mặt; bà Nguyễn Thị Kim L đã được tổng đạt hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tôn Hữu P và bà Nguyễn Thị Kim L.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền vay:

Căn cứ hợp đồng vay ngày 12/12/2023 số tiền 240.000.000 đồng, hợp đồng vay ngày 11/01/2024 số tiền 350.000.000 đồng, biên nhận nợ ngày 17/01/2024 số tiền 10.000.000 đồng và số tiền 10.000.000 đồng chuyển khoản ngày 19/01/2024; bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H, bà L có trách nhiệm trả cho bà C số tiền vay còn thiếu là 610.000.000 đồng.

Về phía ông H, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông cho rằng không vay tiền của bà C mà vay tiền của ông P; đồng thời cung cấp chứng cứ là tin nhắn của ông P trong đó xác định tính đến ngày 11/01/2024 ông H còn nợ số tiền 370.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H cho rằng số tiền 350.000.000 đồng là được cộng dồn từ số tiền 240.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 12/12/2023 mà bà C chưa xé bỏ hợp đồng; sau đó, cộng với 02 lần vay 10.000.000 đồng thành số tiền 370.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ theo tin nhắn do ông H cung cấp thì tính đến ngày 11/01/2024, ông H đã nợ 370.000.000 đồng, trong khi căn cứ theo hợp đồng ngày 11/01/2024 thì số tiền 350.000.000 đồng đã được ông H ký xác nhận. Điều này không phù hợp theo lời trình bày của ông H về mặt thời gian và số tiền còn nợ theo các hợp đồng vay, biên nhận nợ có chữ ký của ông H cũng như không phù hợp với việc cộng dồn số tiền vay như lời trình bày của ông H. Ngoài ra, việc ông H cho rằng bà C không xé bỏ hợp đồng ngày 12/12/2023 cũng không được bà C thừa nhận và ông H cũng không có chứng cứ khác chứng

minh. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc ông H và bà L phải trả cho bà C số tiền vay còn thiếu 610.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất, tiền lãi và yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Cấp sơ thẩm đã xem xét và tuyên xử có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật. Các vấn đề này không bị kháng cáo, kháng nghị do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Như vậy, ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới; do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Minh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2025/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang (nay thuộc Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang).

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị C.

1. Buộc ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vũ Thị C số tiền vay là 610.000.000 đồng (sáu trăm mười triệu đồng) và tiền lãi 164.642.000 đồng (một trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 06/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 20%/năm phù hợp theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Dân sự sơ thẩm: Ông Trương Minh H, bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự là 34.985.000 đồng (ba mươi bốn triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng); Bà Vũ Thị C được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.200.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0023439 ngày 18/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang (nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang)

2.2. Dân sự phúc thẩm: Ông Trương Minh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024574 ngày 07/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang (nay thuộc Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – An Giang) (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 11-An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang;
- Phòng KTNV & THA;
- Dương sự “Đề thi hành”;
- Văn phòng; Tòa Dân sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng